

Bản án số: 24/2018/HS-ST
Ngày 23-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Kim San

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2018/QĐXXST-HS ngày 09/3/2018 đối với bị cáo:

Danh T, sinh ngày 09/8/1989 tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Số 20/37 đường LTK, phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Khơ me; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh D và bà Cao Thị L1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; ra đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/5/2017 đến ngày 15/5/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Chanh – Luật sư của Văn phòng Luật sư Lam Sơn thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; trú tại: Thôn CL, xã QP, huyện TL, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; trú tại: Thôn CL, xã QP, huyện TL, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị C; đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Danh T có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị N sinh năm 1984, ở huyện TL, thành phố Hải Phòng. Đầu năm 2017, T đến sống cùng chị N ở nhà ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958 (bố của chị N), ở thôn CL, xã QP, huyện TL, thành phố Hải Phòng. Tháng 4/2017 T về quê ở tỉnh Kiên Giang, khi về T không xin phép ông Đ, cuối tháng 4/2017, T quay lại thì ông Đ không cho ở nữa. Do chị N lại có quan hệ tình cảm với một người đàn ông khác, nên T đã gọi điện và nhắn tin dọa giết chị N. Khoảng 04h ngày 06/5/2017, T đi đến nhà ông Đ để nói về chuyện tình cảm giữa T và chị N thì bị ông Đ chửi mắng, đuổi ra ngoài. T xuống cửa bếp nhà ông Đ lấy 01 con dao dài 40cm, có cán gỗ dài 12cm, hai đầu bọc kim loại, lưỡi dao dài 28cm, bản rộng 07cm cầm bằng tay phải quay lên nhà, đứng đối diện cách ông Đ khoảng 01m, T vung dao chém thẳng từ trên xuống đầu ông Đ, ông Đ giơ hai tay lên đỡ thì T tiếp tục cầm dao chém 2 – 3 nhát nữa, ông Đ quay lưng bỏ chạy ra ngoài, qua cầu đến đoạn đường đất phía trước nhà thì bị ngã, T cầm dao đuổi đến chém nhiều nhát vào người ông Đ, ông Đ kêu cứu thì T cầm dao bỏ trốn về phía sau nhà lên đê và vứt dao cách nhà ông Đ khoảng 300m về hướng Đông rồi bỏ trốn.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường thể hiện: Nhà ông Đ xây cấp 4, cửa ra vào hướng Tây Nam bằng gỗ sơn màu xanh, hai cánh mở ra ngoài kích thước (2,2 x 1,2)m; có 01 cửa ra vào hướng Tây Bắc dạng cửa lùa một cánh bằng kim loại; cửa ra vào hướng Đông Nam hai cánh bằng gỗ mở ra ngoài.

Góc phía Đông nhà có kê 01 giường gỗ kích thước (1,25 x 2,0)m, màn buông, góc Tây Nam của màn có một vết rách diện (0,6 x 0,2)m, xung quanh vết rách có có một số dấu vết màu nâu đỏ nghi máu đã khô. Trên chiếu và mép ngoài thành giường phía Tây Nam có một số dấu vết màu đỏ dạng nhỏ giọt, nghi máu trong diện (0,25 x 0,2)m. Trên nền nhà phát hiện một số dấu vết màu nâu đỏ nghi máu đã khô dạng chùi quét trong diện (0,7 x 0,2)m; trên tường bên trái cửa ra vào phía Tây Nam có một số dấu vết màu nâu đỏ đã khô dạng văng bắn nhỏ giọt. Từ cửa ra vào phía Tây Nam đến đường nội đồng phía trước nhà ông Đ có nhiều dấu vết màu nâu đỏ đã khô trải dài 22,5m. Trên cầu bê tông có 03 dấu vết màu nâu đỏ đã khô in hình bàn chân, có hướng từ nhà ông Đ ra đến đường nội đồng. Trên đường nội đồng phía trước nhà ông Đ phát hiện đám dấu vết nghi máu dạng vũng trên diện (0,55 x 0,3)m nằm cách tâm cầu bê tông vào nhà ông Đ 4,5m về phía Tây, cách mép đường nội đồng phía con kênh 1,3m về phía Tây Nam. Mở rộng hiện trường, phát hiện 01 con dao dài 40cm, có cán gỗ dài 12cm, hai đầu bọc kim

loại, lưỡi dao dài 28cm, bản rộng 07cm bám dính bùn đất, cách nhà ông Đ 300m về hướng Đông; quá trình khám nghiệm đã thu giữ: 01 màn; các dấu vết máu và 01 con dao.

Ngày 07/5/2017, Danh T đến đầu thú và giao nộp: 01 chứng minh nhân dân mang tên Danh T; 01 bộ quần áo và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Tại bản Kết luận giám định số 245/2017/TgT ngày 11/5/2017 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận: Nạn nhân bị nhiều vết thương vùng đầu, lưng, vai, tay phải, hai chân gây rách da, vỡ trán, thái dương trái, tổn thương sọ não hiện đang điều trị tại khoa hồi sức cấp cứu trong trạng thái lơ mơ, sa sút trí tuệ mức độ nặng. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do tổn thương sọ não còn sa sút trí tuệ độ nặng tại thời điểm giám định gây nên là 61%. Nạn nhân đang điều trị hồi sức tích cực nên chưa kiểm tra được các vết thương phần mềm, vì vậy khi nào ổn định đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra cho giám định bổ sung sau. Các thương tích trên có đặc điểm do vật sắc tác động trực tiếp gây nên.

Tại bản Kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 357/2017/TgT ngày 28/7/2017 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận: Nạn nhân bị nhiều vết thương rách da vùng đầu, mặt, vùng vai, lưng, bàn tay phải, đùi gối trái. Các vết thương đã cắt chỉ, liền sẹo, đang dần ổn định, trong đó vết thương vùng trán trái xuống góc trong mắt trái còn ảnh hưởng thẩm mỹ, vết thương ngón I, II bàn tay phải, vết thương gối trái còn ảnh hưởng chức năng. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các vết thương phần mềm gây nên là 34%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do toàn bộ các tổn thương của các thương tích trên gây nên theo phương pháp cộng lùi và làm tròn số là 74%.

Tại bản Kết luận giám định số 45/2017/GĐSH ngày 27/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Hải Phòng kết luận giám định về nhóm máu: Trên quần, áo và 03 mẫu dấu vết thu tại hiện trường đều có máu người thuộc nhóm AB; trên con dao không phát hiện thấy dấu vết máu. Máu của ông Nguyễn Văn Đ thuộc nhóm AB.

Tại bản Kết luận giám định số 385/2017/KLGD ngày 21/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Hải Phòng kết luận giám định về đường vân: Không phát hiện thấy dấu vết đường vân trên con dao kim loại, cán gỗ, lưỡi dao dài 28cm, bản rộng 07cm.

Tại bản Kết luận giám định số 70/2017/GĐSV ngày 22/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Hải Phòng kết luận giám định về nhóm máu của Danh T thuộc nhóm máu O.

Tại bản Kết luận giám định số 4049/C54- P6 ngày 15/9/2017 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận: Tìm thấy 42 tin nhắn gửi đến, 22 tin nhắn gửi đi,

346 cuộc gọi đi, 60 cuộc gọi đến, 58 cuộc gọi nhỡ và 02 số lưu trữ trên điện thoại và 81 số trong danh bạ lưu trữ trên sim, kèm theo kết luận có 01 phụ lục gồm 32 trang A4.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT -P2 ngày 04 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Danh T về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Danh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 18; Điều 52; Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015); xử phạt: Danh T từ 16 năm đến 18 năm tù.

Về bồi thường dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Danh T:

Luật sư không tranh luận về tội danh và khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo là người dân tộc Khơ me, trình độ văn hóa thấp, phạm tội do lạc hậu; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố mẹ ly hôn từ khi bị cáo còn nhỏ, hiện mẹ bị cáo đang bị bệnh nặng nằm liệt giường phải trông cây vào các dì của bị cáo; mặt khác, gia đình bị hại cũng có lỗi một phần khi bị cáo đến lấy đồ đạc để về quê đã mắng chửi bị cáo. Do đó, khi quyết định hình phạt, cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không bổ sung quan điểm bào chữa của Luật sư. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì khác; bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật. Bị cáo nói lời sau cùng xin lỗi bị hại và rất ân hận về hành vi của mình; xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Danh T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với vật chứng thu giữ, Biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận giám định thương tích, Biên bản thực nghiệm điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Chị Nguyễn Thị N có thời gian làm công nhân ở Kiên Giang có quen biết và chung sống như vợ chồng với bị cáo Danh T. Đầu năm 2017, do làm ăn ở Kiên Giang khó khăn nên Danh T và chị N về QP, huyện TL, thành phố Hải Phòng (quê của chị N) để làm ăn và sinh sống. Khi về Hải Phòng, bị cáo T ở tại nhà ông Nguyễn Văn Đ (bố của chị N). Đầu tháng 4/2017, T có về quê ở Kiên Giang để giải quyết việc gia đình nhưng không xin phép ông Đ. Cuối tháng 4/2017, T có quay lại Hải Phòng nhưng ông Đ không cho bị cáo ở nữa (ông Đ cho rằng bị cáo T đi về quê không xin phép ông là không đúng). Trong khoảng thời gian này, bị cáo T phát hiện chị N đã có qua lại người đàn ông khác, mặc dù, trước đó, chị N đã hứa hẹn sẽ tổ chức đám cưới với bị cáo nên bị cáo đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin đe dọa chị N. Khoảng 4h sáng ngày 06/5/2017, T đến nhà ông Nguyễn Văn Đ (bố của chị N) để nói chuyện và lấy đồ đạc thì bị ông Đ mắng chửi, đuổi ra khỏi nhà, bị cáo T đã bức xúc lấy 01 con dao bằm ở bếp nhà ông Đ, chém nhiều nhát vào người ông Đ. Ông Đ bỏ chạy vẫn bị T đuổi theo chém liên tiếp, đến khi ông Đ ngồi gục xuống, bị cáo mới bỏ đi. Hậu quả ông Đ bị thương tích làm tổn thương cơ thể 74%. Bị cáo T nhận thức được việc dùng dao chém nhiều nhát vào ông Đ là rất nguy hiểm cho tính mạng của ông Đ, việc ông Đ chưa chết là nằm ngoài ý muốn của bị cáo. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Danh T phạm tội “Giết người” phạm Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, quyền được sống của con người, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân nên cần xét xử nghiêm. Do đó, cần xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Giữa người bị hại Đ và bị cáo T không có mâu thuẫn từ trước, chỉ vì bị cáo bức xúc nhỏ nhặt về việc bị ông Đ mắng và đuổi về khi bị cáo đến nhà mà bị cáo đã có hành vi chém liên tiếp nhiều nhát vào người gây nguy hiểm đến tính mạng của ông Đ. Hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ, coi thường tính mạng của người khác nên bị xét xử theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999.

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự :

[5] Bị cáo Danh T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã ra đầu thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Bị cáo Danh T phạm tội “Giết người”, hậu quả chết người chưa xảy ra nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội chưa đạt” được quy định tại Điều 18 Bộ luật Hình sự 1999, khi quyết định hình phạt, cần áp dụng thêm Điều 52 Bộ luật Hình sự 1999, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Đối với quan điểm bào chữa của Luật sư, Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ phạm tội do lạc hậu quy định tại điểm k khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 do bị cáo có trình độ học vấn lớp 9/12, có thời gian làm việc và sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh; ngoài ra, đối với lỗi của bị hại rất nhỏ, việc bị hại trách bị cáo là lỗi nhỏ trong cuộc sống đời thường nhưng bị cáo đã dùng dao chém nhiều nhất liên tiếp vào bị hại là thể hiện tính chất côn đồ. Các tình tiết giảm nhẹ khác mà Luật sư trình bày được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về bồi thường dân sự:

[7] Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Văn Đ yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền điều trị thương tích là 140.000.000 đồng; ngoài ra, ông Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án - chị N (con gái của ông Đ) không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền bị mất thu nhập trong thời gian chị N chăm sóc bị hại. Bị cáo đồng ý bồi thường dân sự theo yêu cầu của bị hại.

[8] Theo Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường số tiền 140.000.000 đồng là tiền điều trị thương tích; ngoài ra, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận không trái pháp luật của các bên; buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Đ số tiền 140.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

[9] Đối với 01 con dao, 01 áo phông, 01 quần bò và 01 chiếc màn: Bị cáo sử dụng và mặc khi phạm tội, có liên quan đến việc phạm tội của bị cáo; xét không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với 01 chứng minh thư: là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với 01 điện thoại di động: Bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Về án phí:

[10] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 18; Điều 52 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57 Bộ luật Hình sự 2015); xử phạt: Danh T 17 (Mười bảy) năm tù về tội **“Giết người” (Chưa đạt)**. Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2017.

- **Về bồi thường dân sự:** Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015), Điều 584, Điều 591 Bộ luật Dân sự, xử:

Buộc bị cáo Danh T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Đ số tiền 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự 2015); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 con dao, 01 áo phông, 01 quần bò và 01 chiếc màn.

- Trả lại cho bị cáo Danh T 01 chứng minh thư

- Trả lại 01 điện thoại di động nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 29/12/2017 tại Cục Thi hành án thành phố Hải Phòng).

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.000.000 (Bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm